**Môn: Toán**

# **BÀI:** ÔN TẬP CẢ NĂM

# **(Tiết 1)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.
* Yêu nước

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***2.2. Năng lực đặc thù***

Ôn tập về số và phép tính: Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tồng các trăm, chục, đơn vị.

* Khái quát cách đọc và viết số trong phạm vi 1000.
* Tia số.
* Uớc lượng theo nhóm chục.
* Tính nhầm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

# ÔN TẬP CÁC SỐ TRỌNG PHẠM VI 1000

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TL | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 5 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.*  **Cách tiến hành:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: Bingo  Luật chơi: Học sinh kẻ bảng gồm 9 ô. Trên mỗi ô chon 1 số bất kì từ 200 đến 250 viết lên. Học sinh lần lượt mỗi bạn hô 1 số. Học sinh nghe và đánh dấu trên bảng số của mình. Ai đánh dấu được 1 hàng ngang, 1 hàng dọc, 1 hàng chéo trước thì ngừoi đó thắng. | -HS lắng nghe luật chơi và tham gia. |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  ***Mục tiêu:*** *HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học*  **Cách tiến hành**  ***\* Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1***  - GV hướng dẫn mẫu, giúp HS (nhóm đôi) nhận biết thứ tự việc cần làm: đếm theo nhóm (trăm, chục, đơn vị) - viết (viết số vào cột và viết số thành tổng các trăm, các chục và các đơn vị).  Ví dụ:  • Đếm theo cột (3 trăm, 7 chục, 4 đơn vị).  • Điền số vào ô trong bảng (ô ở cột trăm viết số 3, ô ở cột chục viết số 7 ,...).  • Viết số thành tổng các trăm, các chục và các đơn vị (viết vào bảng con).  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.  - GV sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm    - Sau khi sửa bài, GV giúp HS khái quát hoá mối quan hệ giữa nghìn, trăm, chục, đơn vị (1 nghìn = 10 trăm, 1 trăm = 10 chục,...).  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2***  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi: Thảo luận, nhận biết:  • Một bảng: đọc số  Một bảng: viết số.  • Cách làm:  + Đọc số: đọc các số đã cho ở cột viết số.  + Viết số: dựa vào cột đọc số để viết số.  - GV yêu cầu HS viết số vào bảng con rồi đọc cho bạn nghe.  - GV sửa bài, khuyến khích HS trình bày theo nhóm: một HS viết số lên bảng lớp, cả lớp đọc số.  - GV giúp HS khái quát hoá cách đọc và viết các số có ba chữ số.  ***Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT3***  - GV cho HS đọc yêu cầu.  - GV yêu cầu HS thảo luận (nhóm bốn) tìm cách làm.  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm bốn.  - GV sửa bài, gọi HS đọc bài làm theo nhóm (mỗi nhóm đọc một dãy số), GV khuyến khích HS nói cách làm.  - GV mở rộng, hỏi cho HS nhắc lại: Để đếm nhanh, khi nào nên đếm thêm (hoặc đếm bớt) 2, 5 hay 10? Cho ví dụ. | - HS quan sát mẫu, lắng nghe GV hướng dẫn và nhận biết  - HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ với bạn  - HS trình bày và giải thích cách làm  - HS lắng nghe  - HS thảo luận nhận biết  - HS viết số vào bảng con rồi đọc cho bạn nghe  - HS thực hiện viết và đọc số  - HS lắng nghe  - HS đọc yêu cầu của bài  - HS thảo luận tìm cách làm: thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10.  - HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm  - HS đọc kết quả theo nhóm và nói cách làm  - HS nhắc lại:  + Thêm (hoặc bớt) 2: số lượng nhiều, đặc biệt khi xuất hiện các “cặp”.  Ví dụ: Đếm chân của nhiều con vật 2 chân (gà, vịt, chim, ...).  + Thêm (hoặc bớt) 5: Khi có các nhóm 5.  Ví dụ: Mỗi hộp có 5 cái bánh ,...  + Thêm (hoặc bớt) 10: Khi có các nhóm 10, hoặc khi đếm số chục.  Ví dụ: Mỗi xâu bánh ú có 10 cái,...  Đặc điểm số tròn chục: số có 0 đon vị. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....................................................................

**Môn: Toán**

# **BÀI:** ÔN TẬP CẢ NĂM

# **(Tiết 2)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***2.2. Năng lực đặc thù***

Ôn tập về số và phép tính: Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tồng các trăm, chục, đơn vị.

* Khái quát cách đọc và viết số trong phạm vi 1000.
* Tia số.
* Uớc lượng theo nhóm chục.
* Tính nhầm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

# ÔN TẬP CÁC SỐ TRỌNG PHẠM VI 1000

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TL | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 5 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.*  **Cách tiến hành:**  - Ổn định lớp.  - GV cho hs hát | - HS hát |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  ***Mục tiêu:*** *HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học*  **Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT4***  - GV cho HS tìm hiểu, nhận biết: Có 4 lớp gấp hạc giấy, tìm số hạc giấy của mỗi lớp gấp được.  Bài này nên dựa vào đặc điểm chỉ số lượng hạc giấy của từng lớp để tìm số thích hợp.  - GV yêu cầu HS thảo luận (nhó hai) và làm bài.  - GV sửa bài, GV giúp HS giải thích.  Ví dụ:  Lớp 2A - số tròn chục lớn nhất có hai chữ số, là 90.  Lớp 2B - nhiều hơn 2A 5 con hạc, là 95 (90 thêm 5).  Lóp 2C - số liền trước 110, là 109 (110 bớt 1).  Lóp 2D - số liền sau 110, là 111 (110 thêm 1).  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm bốn, hoàn thành BT5***  - GV yêu cầu HS thực hiện theo nhóm bốn, hoàn thành bài tập  - GV sửa bài, mời các nhóm trình bày và khuyến khích HS giải thích.  - GV giúp HS khái quát hoá cách so sánh các số có ba chữ số.  + Có thể giải thích trên hai số cụ thể (ví dụ: 4 trăm < 5 trăm ,...).  + Có thể giải thích khái quát (ví dụ: số trăm bé hơn thì số bé hơn ,...).  + Hoặc có thể dựa vào cấu tạo thập phân của số để so sánh (ví dụ: số 378 gồm 3 trăm, 7 chục và 8 đơn vị).  - Sau đó, GV hệ thống lại:  + So sánh số trăm, số nào có số trăm lớn hơn thì số đó lớn hon.  + Số trăm bằng nhau, so sánh số chục, số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn.  + Số trăm và số chục đều bằng nhau, so sánh số đơn vị, số nào có số đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn.  + Số có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn số có ít chữ sổ.  Ví dụ: số có 3 chữ số lớn hơn số có 2 (hay 1) chữ số.  (cũng có thể dựa vào tìm tổng theo cấu tạo thập phân của số)  ***Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6***  - GV yêu cầu HS thảo luận và làm bài  a) Số: Từ lớn đến bé.  Xác định bắt đầu từ số lớn nhất và sắp xếp các số từ lớn đến bé: 614; 594; 575; 570.  Dựa vào dãy số trên, thông báo: đổi vị trí hộp xanh lá và hộp tím.  b) Số: Từ bé đến lớn.  Xác định bắt đầu từ số bé nhất và sắp xếp các số tù bé đến lớn: 369; 407; 417; 419.  Dựa vào dãy số trên, thông báo: đổi vị trí hộp cam và hộp hồng.  - GV sửa bài, khuyến khích HS giải thích tại sao chọn các hộp đó để đổi chỗ.  - GV nhận xét  ***Nhiệm vụ 4: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT7***  - GV cho HS xem tranh và nhận biết yêu cầu  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách làm và thực hiện rồi nói kết quả  - GV treo hình vẽ trên bảng lớp, mời HS nói trước lớp, vừa nói vừa thao tác trên hình vẽ  - GV sửa bài và nhận xét | - HS tìm hiểu, nhận biết  - HS thảo luận và làm bài  - HS lắng nghe GV sửa bài  - HS thảo luận điền dấu thich hợp  - HS trình bày kết quả và giải thích  - HS lắng nghe GV khái quát và ghi nhớ  - HS lắng nghe GV hệ thống và ghi nhớ  - HS thảo luận và làm bài  - HS giải thích cách chọn hộp để đổi chỗ  - HS lắng nghe  - HS quan sát tranh nhận biêt yêu cầu: ước lượng  - HS thảo luận và thực hiện  - HS nói trước lớp: Có 11 nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 quả dâu. Em đếm: 10; 20; 30; 40; 50; ….; 100; 110.  Có khoảng 110 quả dâu  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………...............................................................

**Môn: Toán**

# **BÀI:** ÔN TẬP CẢ NĂM

# **(Tiết 3)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.
* Yêu nước

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***2.2. Năng lực đặc thù***

Ôn tập về số và phép tính: Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tồng các trăm, chục, đơn vị.

* Thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1000.
* Vận dụng mối liên hệ cộng, trừ để tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

# ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 5 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.*  **Cách tiến hành:**  - Ổn định lớp.  - GV cho hs hát | - HS hát |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học  **Cách tiến hành**  ***\* Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT1***  - GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài và xác định cái đã cho:  + Hình A có bao nhiêu bút chì?  + Hình B có bao nhiêu bút chì?  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài và thực hiện  a) Tính tổng  b) Tính hiệu  - GV sửa bài, khuyến khích HS trình bày phép tính và giải thích cách làm  - GV nhận xét, lưu ý HS: tìm hiệu hai số cũng là tìm xem hai số hơn kém bao nhiêu  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2***  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi: Đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe.  - GV sửa bài, mời một số nhóm đọc kết quả trước lớp  - Sau khi sửa bài, GV giúp HS hệ thống lại cách cộng, trừ nhẩm các số tròn trăm, tròn chục: coi chục, trăm là đơn vị đếm.  Ví dụ: 80 + 20  8 chục + 2 chục = 10 chục  80 + 20= 100.  ***Nhiệm vụ 3: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT3***  - GV đọc lần lượt từng phép tính cho HS thực hiện trên bảng con  - GV sửa bài và nhận xét  - GV đặt câu hỏi để hệ thống hóa  + Cách đặt tính  + Cách tính: không nhớ, có nhớ  + Giới thiệu cách kiểm tra (dùng mối quan hệ cộng, trừ, riêng đối với phép cộng, có thể dùng thêm tính chất giao hoán để kiểm tra  ***Nhiệm vụ 4: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT4***  - GV yêu cầu HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết:  Thực hiện phép tính cộng để tìm xe, vé có tổng là 555 hay 888 để lên đúng xe.  - GV yêu cầu HS thực hiện phép tính ra bảng con để tìm đúng xe cho các bạn  - GV sửa bài, mời HS đọc kết quả các phép tính và cho biết xe mà các bạn sẽ lên  - GV mở rộng: liên hệ giáo dục HS lịch sự khi tham gia lưu thông bằng các phương tiện giao thông công cộng (lên đúng xe, ngồi đúng chỗ, trên xe không ồn ào, không xả rác ,...). | - HS tìm hiểu bài và xác định: Đếm thêm chục, đếm tiếp số bút lẻ  + Hình A: 64 bút chì  + Hình B: 55 bút chì  - HS thực hiện  - HS trình bày phép tính và giải thích cách làm  - HS lắng nghe    - HS thực hiện theo nhóm đôi  - HS đọc kết quả trước lớp  - HS lắng nghe GV hệ thống và ghi nhớ  - HS thực hiện các phép tính ra bảng con  - HS lắng nghe GV sửa bài  - HS trả lời các câu hỏi của GV  - HS tìm hiểu và nhận biết.  - HS thực hiện các phép tính  - HS đọc kết quả  - HS lắng nghe và ghi nhớ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….................................................

**Môn: Toán**

# **BÀI:** ÔN TẬP CẢ NĂM

# **(Tiết 4)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.
* Yêu nước

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***2.2. Năng lực đặc thù***

Ôn tập về số và phép tính: Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tồng các trăm, chục, đơn vị.

* Thực hiện các phép tính cộng, trừ trong phạm vi 1000.
* Vận dụng mối liên hệ cộng, trừ để tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

# ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 5 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.*  **Cách tiến hành:**  - Ổn định lớp.  - GV cho hs hát | - HS hát |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học  **Cách tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT5***  - GV yêu cầu HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết yêu cầu  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân, thử lại rồi chia sẻ với bạn.  - GV mời một số HS trình bày, khuyến khích HS gọi tên các thành phần trong phép cộng (phép trừ) rồi nói cách làm.  - GV mở rộng: giúp HS hệ thống lại cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ bằng cách vận dụng mối liên hệ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách - gộp số.  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT6***  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài:  + Yêu cầu của bài là gì?  + Tìm thế nào?  GV phân tích mẫu:  80 gồm 50 và 80:  30 + 50 = 80 80 – 50 = 30  50 + 30 = 80 80 – 30 = 50    - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi  - GV sửa bài, mời HS trình bày và khuyến khích HS giải thích cách làm (tại sao chọn số đó?)  - GV mở rộng: giúp HS hệ thống lại cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ (dựa vào mối liên hẹ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách – gộp số).  ***Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT7***  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu bài:  + Yêu cầu của bài là gì?  + Tìm thế nào?  GV phân tích mẫu:    36 + 42 + 12 = 90  90 – 42 – 12 = 36  90 – 12 – 36 = 42  90 – 36 – 42 = 12  - GV yêu cầu HS làm bài theo nhóm đôi  - GV sửa bài, mời HS trình bày và khuyến khích HS giải thích cách làm (tại sao chọn số đó?)  - GV mở rộng: vận dụng mối liên hệ cộng, trừ hay sơ đồ tách – gộp số, giúp HS hệ thống lại cách tìm tổng hay tìm số hạng  ***Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT8***  - GV cho HS tìm hiểu xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: giải bài toán.  - GV yêu cầu HS làm bài cá nhân.  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bày bài giải (có giải thích cách làm).  - GV lưu ý HS khi so sánh để tìm xem nhiều hơn hay ít hơn bao nhiêu có một cách làm (thực hiện phép tính trừ), nhưng có hai cách nói:  + Nhiều hơn (khi so sánh số lớn với số bé).  + Ít hơn (khi so sánh số bé với số lớn).  ***Nhiệm vụ 5: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT9***  - GV cho HS tìm hiểu bài xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: Giải bài toán.  - GV yêu cầu HS làmbài cá nhân.  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bàybài giải (có giải thíchcách làm).  - GV nhận xét phần trình bày của HS  ***\* Đất nước em***  Cuộn rơm có dạng khối trụ.  - GV giới thiệu sơ lược: Long Anlà một tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam.  Yêu cầu HS tìm vị trí tỉnh Long An trên bản đồ (SGK trang 114). | HS thảo luận nhận biết: tìm số bị che đi ở mỗi phép tính (dựa vào mối liên hệ cộng, trừ hoặc sơ đồ tách - gộp số để tìm thành phần chưa biết của phép tính).  - HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ với bạn  - HS trình bày cách làm, gọi tên các thành phần của phép cộng, phép trừ  - HS lắng nghe và ghi nhớ  - HS tìm hiểu, nhận biết:  + Yêu cầu của bài: Tìm số bị che  + Lắng nghe GV phân tích mẫu  - HS thảo luận làm bài  - HS trình bày và giải thích cách làm  - HS lắng nghe  - HS tìm hiểu, nhận biết:  + Yêu cầu: Số?  + Lắng nghe GV phân tích mẫu  - HS thực hiện theo nhóm đôi  - HS trình bày và giải thích cách làm  - HS lắng nghe  - HS tìm hiểu và xác định  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày bài giải:  Nam hái được ít hơn Hà số quả dâu là:  167 – 125 = 42 (quả)  Đáp số: 42 quả dâu  - HS lắng nghe  - HS đọc bài và xác định  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày bài giải  Số cuộn rơm có ở cả hai thửa ruộng là:  216 + 328 = 544 (cuộn rơm)  Đáp số: 544 cuộn rơm  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe GV giới thiệu và xác định trên bản đồ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………....................................................................

**Môn: Toán**

# **BÀI:** ÔN TẬP CẢ NĂM

# **(Tiết 5)**

Ngày soạn

Tuần:……………………………

Ngày dạy

Số tiết:…………………………..

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phẩm chất**

* Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.
* Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**2. Năng lực**

***2.1. Năng lực chung***.

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

***2.2. Năng lực đặc thù***

Ôn tập về số và phép tính: Viết số theo cấu tạo thập phân của số, viết số thành tồng các trăm, chục, đơn vị.

* Củng cố khái niệm phép nhân, phép chia. Thực hiện các phép nhân, phép chia (trong bảng).
* Giải quyết vấn đề đơn giản.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. **Giáo viên**:

- Giáo án, SGK, SGV.

**2. Học Sinh**:

- SGK. vở ghi, bút viết, bảng con.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

# ÔN TẬP PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| 5 phút | **A. KHỞI ĐỘNG**  ***Mục tiêu:*** *Tạo tâm thế hứng thú cho HS và từng bước cho HS làm quen với bài học mới.*  **Cách tiến hành:**  - Ổn định lớp.  - GV cho hs hát | - HS hát |
| 25 phút | **B. LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** HS làm bài tập để củng cố lại các kiến thức đã học  **Cách tiến hành**  ***\* Nhiệm vụ 1: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT1***  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu mẫu, nhận biết:  + Quan sát hình ảnh, viết tổng các số hạng bằng nhau, tính tổng để tìm số trái thơm có tất cả.  + Viết tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân.  + Dùng phép nhân viết hai phép chia tương ứng.  Có 3 nhóm, mỗi nhóm 6 trái thơm:  6 + 6 + 6 = 18  Tổng có 3 số hạng, mỗi số hạng đều bằng 6, 3 lần 6: 3 x 6 = 18.  Viết hai phép chia tương ứng:  18 : 3 = 6 18 : 6 = 3  - GV yêu cầu HS thực hiện các câu a, b trên bảng con.  - GV sửa bài, khuyến khích HS trình bày cách làm.  - GV nhận xét  ***Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT2***  - GV yêu cầu HS (nhóm đôi) tìm hiểu bài, nhận biết: Yêu cầu của bài  - GV yêu cầu HS đọc cho nhau nghe.  - GV sửa bài, tổ chức cho HS chơi “TÌM BẠN”.  • GV cho HS viết một phép tính nhân (hoặc một phép chia) trong bảng đã học.  • Theo hiệu lệnh của GV (hoặc cho cả lớp hát một bài), HS ghép được một phép nhân với hai phép chia tương ứng.  Nhóm nào ghép được trước nhất thì thắng cuộc.  GV cho nhóm đọc các phép tính trong nhóm mình cho cả lớp nhận xét.  • GV cho HS đọc bảng nhân, chia.  ***Nhiệm vụ 3: Hoạt động nhóm đôi, hoàn thành BT3***  - GV cho HS nhóm đôi tìm hiểu bài và nhận biết yêu cầu của bài  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi: đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe  - GV sửa bài và nhận xét  ***Nhiệm vụ 4: Hoạt động cá nhân, hoàn thành BT4***  - GV cho HS tìm hiểu bài xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định việc cần làm: Giải bài toán.  - GV yêu cầu HS làmbài cá nhân.  - GV sửa bài, khuyến khích nhiều nhóm trình bàybài giải (có giải thíchcách làm: tại sao chọn phép tính đó?).  - GV nhận xét phần trình bày của HS | - HS quan sát mẫu, lắng nghe GV hướng dẫn và nhận biết.  - HS thực hiện trên bảng con  - HS trình bày cách làm  - HS lắng nghe  - HS tìm hiểu và nhận biết yêu cầu:  a) Đọc bảng nhân, chia  b) Đọc cặp phép tính tương ứng.  - HS thực hiện đọc cho nhau nghe  - HS lắng nghe GV phổ biến luật chơi và thực hiện  - HS đọc phép tính, cả lớp nhận xét  - HS đọc bảng nhân, chia  - HS tìm hiểu và nhận biết yêu cầu: Tính nhẩm  - HS thực hiện nhóm đôi  - HS lắng nghe  - HS đọc bài và xác định  - HS làm bài cá nhân  - HS trình bày bài giải  a) Số cây 4 tổ trồng được là  4 x 5 = 20 (cây)  Đáp số: 20 cây  b) Chuồng thỏ có tất cả số con thỏ là:  14 : 2 = 7 (con thỏ)  Đáp số: 7 con thỏ  - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (Rút kinh nghiệm)**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………